

Phú Nhuận, ngày 30 tháng 8 năm 2018

THÔNG BÁO

**Điểm thi tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo
thuộc Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận năm học 2018 - 2019**

Căn cứ Khoản 4, Điều 31 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Điều 17 Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ về ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

Sau khi tổ chức chấm thi theo quy định, Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận năm học 2018 - 2019 (gọi tắt là Hội đồng thi) thông báo điểm thi của các thí sinh dự thi tuyển viên chức năm học 2018 - 2019 (danh sách điểm thi và mẫu đơn đề nghị phúc khảo bài thi được đăng tại cổng thông tin điện tử Phòng Giáo dục và Đào tạo quận <http://www.pgdpahunhuan.hcm.edu.vn>).

Các ứng viên trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có thông báo điểm thi có thể gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả bài thi đến Hội đồng thi thông qua phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo, số 15 Nguyễn Thị Huỳnh, Phường 8, quận Phú Nhuận.

Hội đồng thi không giải quyết phúc khảo đối với các đơn đề nghị phúc khảo nhận được sau thời gian quy định nêu trên và các đơn đề nghị phúc khảo gửi bằng thư điện tử, Fax.

Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận năm học 2018 - 2019 thông báo để các ứng viên dự thi được biết./.

Nơi nhận:

- VP.HĐND-UBND quận;
- Thành viên Hội đồng, Ban sát hạch;
- Đơn vị sự nghiệp có thí sinh dự thi;
- Lưu: NV.

**TM. HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH**



**TRƯỞNG PHÒNG
Võ Cao Long**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2018 - 2019

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Môn dự tuyển	Bậc học	ĐIỂM		Điểm sát hạch	Tổng điểm tuyển	GHI CHÚ
								TBCM	TN			
1	Nguyễn Thị Thu	Hòa	13/08/1983	Nữ	Đại học	GDĐB	GDĐB	82.2	82.2	157	321.4	
2	Lương Thị Mỹ	Kiểm	15/11/1989	Nữ	Cao đẳng	GDĐB	GDĐB	67.9	62.5	0		Vắng
3	Phạm Thị Kim	Anh	10/07/1991	Nữ	Đại học	Mầm non	Mầm non	71.8	80	166	317.8	
4	Nguyễn Trần	Châu	16/06/1983	Nữ	Cao đẳng	Mầm non	Mầm non	80.9	76	135	291.9	
5	Nguyễn Thị Mỹ	Hà	15/08/1991	Nữ	Đại học	Mầm non	Mầm non	76.3	90	162	328.3	
6	Đỗ Ngọc Thúy	Hân	02/10/1983	Nữ	Đại học	Mầm non	Mầm non	73.5	65	133	271.5	
7	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	28/09/1986	Nữ	Cao đẳng	Mầm non	Mầm non	72.5	72.5	108	253	
8	Phan Thanh	Hằng	09/04/1992	Nữ	Đại học	Mầm non	Mầm non	66.6	66.6	114	247.2	
9	Chung Kim	Hạnh	30/03/1970	Nữ	Đại học	Mầm non	Mầm non	73.9	75	168	316.9	
10	Dương Thị	Hiền	01/03/1994	Nữ	Trung cấp	Mầm non	Mầm non	78.5	78	157	313.5	
11	Dương Ngọc	Hoa	23/12/1988	Nữ	Trung cấp	Mầm non	Mầm non	64	68	123	255	
12	Mai Thị Kim	Liên	22/09/1991	Nữ	Cao đẳng	Mầm non	Mầm non	75.5	85	111	271.5	
13	Chung Phương	Linh	16/05/1996	Nữ	Cao đẳng	Mầm non	Mầm non	76.2	75	150	301.2	
14	Hoàng Thị Thùy	Linh	31/03/1990	Nữ	Cao đẳng	Mầm non	Mầm non	66	66	132	264	
15	Phan Thị Thùy	Linh	26/09/1995	Nữ	Cao đẳng	Mầm non	Mầm non	75.6	75.6	162	313.2	
16	Cao Thị Phương	Loan	13/06/1978	Nữ	Đại học	Mầm non	Mầm non	58	65	134	257	
17	Huỳnh Thị Kim	Loan	08/08/1980	Nữ	Đại học	Mầm non	Mầm non	65.4	65	107	237.4	
18	Nguyễn Hoàng Vy	Minh	15/10/1995	Nữ	Cao đẳng	Mầm non	Mầm non	73.1	73.1	153	299.2	
19	Phạm Hoàng Thảo	Nguyên	01/02/1994	Nữ	Đại học	Mầm non	Mầm non	71.9	71.9	116	259.8	
20	Nguyễn Thị Hoàng	Phượng	14/01/1985	Nữ	Đại học	Mầm non	Mầm non	65.4	65.4	121	251.8	
21	Nguyễn Thị	Phượng	14/07/1996	Nữ	Cao đẳng	Mầm non	Mầm non	67	67	139	273	
22	Nguyễn Thị	Sự	21/10/1987	Nữ	Trung cấp	Mầm non	Mầm non	74.5	70	139	283.5	
23	Nguyễn Thị	Thảo	25/03/1996	Nữ	Trung cấp	Mầm non	Mầm non	80	82	0		Vắng
24	Nguyễn Thanh	Thúy	26/04/1995	Nữ	Trung cấp	Mầm non	Mầm non	72	72	116	260	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Môn dự tuyển	Bậc học	ĐIỂM		Điểm sát hạch	Tổng điểm tuyển	GHI CHÚ
								TBCM	TN			
25	Nguyễn Thị	Thúy	20/05/1990	Nữ	Đại học	Mầm non	Mầm non	72.1	72.1	118	262.2	
26	Nguyễn Ngọc Huyền	Trang	09/04/1995	Nữ	Đại học	Mầm non	Mầm non	78.3	85	98	261.3	
27	Nguyễn Thụy Tường Vy	Vy	01/06/1982	Nữ	Trung cấp	Mầm non	Mầm non	73	77	112	262	
28	Nguyễn Thụy Tường Vy	Vy	17/06/1984	Nữ	Đại học	Mầm non	Mầm non	76.1	75	142	293.1	
29	Nguyễn Hoàng Yến	Yến	21/07/1995	Nữ	Cao đẳng	Mầm non	Mầm non	72.6	72.6	150	295.2	
30	Nguyễn Thị Kim Anh	Anh	24/11/1987	Nữ	Cao đẳng	TiH nhiều môn	Tiểu học	68.8	70	104	242.8	
31	Trịnh Trám Anh	Anh	19/12/1985	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	71.3	71.3	115	257.6	
32	Ngô Thị Thái Hà	Hà	17/10/1997	Nữ	Cao đẳng	TiH nhiều môn	Tiểu học	85	86	79.5	250.5	
33	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Hằng	29/11/1988	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	65.2	70	80	215.2	
34	Bùi Thị Hoa	Hoa	04/07/1977	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	66.1	55	125	246.1	
35	Vương Thanh Hoàng	Hoàng	29/11/1995	Nam	Trung cấp	TiH nhiều môn	Tiểu học	68	78.3	75.5	221.8	
36	Phạm Thị Kim Hồng	Hồng	01/08/1986	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	66	55	91.5	212.5	
37	Lê Tuấn Hùng	Hùng	21/09/1995	Nam	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	76.3	76.3	85	237.6	
38	Lưu Thị Huyền	Huyền	15/04/1996	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	74.2	74.2	88	236.4	
39	Nguyễn Thị Thanh Lan	Lan	04/01/1993	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	69.7	69.7	88	227.4	
40	Lê Thị Linh	Linh	01/01/1995	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	87.1	87.1	0		Vắng
41	Nguyễn Thị Lộc	Lộc	23/06/1992	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	73.2	73.2	120	266.4	
42	Lê Thị Huệ Minh	Minh	29/10/1993	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	76.3	76.3	114	266.6	
43	Lê Thị Na	Na	15/10/1977	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	66.7	85	107	258.7	
44	Kim Thị Nga	Nga	12/05/1993	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	73.8	73.8	91	238.6	
45	Đặng Thị Thanh Ngân	Ngân	20/11/1996	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	72.9	72.9	101.5	247.3	
46	Võ Thị Kim Ngọc	Ngọc	09/03/1995	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	77.2	77.2	91	245.4	
47	Lưu Thị Ánh Ngọc	Ngọc	05/08/1994	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	78.6	78.6	0		Vắng
48	Lê Thị Đoan Nhã	Nhã	10/03/1980	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	62.6	55	71.25	188.85	
49	Nguyễn Thị Nhài	Nhài	20/02/1995	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	79.8	79.8	116.3	275.9	
50	Nguyễn Xuân Tuyết Nhi	Nhi	27/04/1993	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	75.1	75.1	93.3	243.5	
51	Phạm Hồng Yến Nhi	Nhi	19/08/1987	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	74.5	60	101	235.5	
52	Lê Tấn Phát	Phát	14/09/1997	Nam	Cao đẳng	TiH nhiều môn	Tiểu học	72.8	65	0		Vắng
53	Nguyễn Hoàng Phúc	Phúc	05/04/1996	Nam	Trung cấp	TiH nhiều môn	Tiểu học	60	75	110.8	245.8	
54	Trần Nguyễn Mai Phương	Phương	28/02/1995	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	77.3	77.3	123.5	278.1	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Môn dự tuyển	Bậc học	ĐIỂM		Điểm sát hạch	Tổng điểm tuyển	GHI CHÚ
								TBCM	TN			
55	Nguyễn Thị	Quỳnh	08/03/1995	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	76.1	76.1	0		Vắng
56	Trần Thị Tố	Quỳnh	26/01/1996	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	77.2	77.2	0		Vắng
57	Phạm Như	Quỳnh	19/11/1994	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	73	73	119	265	
58	Nguyễn Tấn	Tài	20/11/1994	Nam	Trung cấp	TiH nhiều môn	Tiểu học	72	73	96	241	
59	Phạm Lương Anh	Thư	23/04/1996	Nữ	Trung cấp	TiH nhiều môn	Tiểu học	69	62	114.5	245.5	
60	Võ Minh	Thùy	04/08/1991	Nữ	Trung cấp	TiH nhiều môn	Tiểu học	76	70	0		Vắng
61	Lê Thị	Trâm	02/07/1993	Nữ	Cao đẳng	TiH nhiều môn	Tiểu học	72.3	80	0		Vắng
62	Trần Thị Minh	Trâm	24/03/1980	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	69.4	72.5	120.5	262.4	
63	Trần Thị Tuyết	Trinh	10/02/1995	Nữ	Cao đẳng	TiH nhiều môn	Tiểu học	73	73	0		Vắng
64	Phạm Thành	Trung	01/10/1993	Nam	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	63.1	50	75	188.1	
65	Nguyễn Ngọc Gia	Tú	09/02/1996	Nữ	Cao đẳng	TiH nhiều môn	Tiểu học	74	74	0		Vắng
66	Phan Thị Cẩm	Tú	27/01/1996	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	75.9	75.9	0		Vắng
67	Triệu Hồng	Tuyên	24/05/1995	Nữ	Đại học	TiH nhiều môn	Tiểu học	80.1	80.1	103.5	263.7	
68	Trần Anh	Vũ	13/11/1993	Nam	Cao đẳng	TiH nhiều môn	Tiểu học	75.3	75.3	85.5	236.1	
69	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	03/02/1988	Nữ	Đại học	Anh Văn	Tiểu học	61.9	61.9	0		Vắng
70	Hồ Thanh	Thảo	16/02/1988	Nữ	Đại học	Anh Văn	Tiểu học	73.1	73.1	39	185.2	
71	Nguyễn Thị	Hiền	10/10/1986	Nữ	Đại học	Mỹ thuật	Tiểu học	78.5	95.3	164	337.8	
72	Phan Thị Mỹ	Linh	07/01/1989	Nữ	Cao đẳng	Mỹ thuật	Tiểu học	74.3	74.3	118	266.6	
73	Trương Ngọc	Minh	22/12/1997	Nam	Cao đẳng	Thể dục	Tiểu học	72.6	72.6	112	257.2	
74	Lê Quý	Tùng	20/08/1992	Nam	Đại học	Thể dục	Tiểu học	79	79	0		Vắng
75	Nguyễn Phương Quế	Chi	04/02/1995	Nữ	Đại học	Anh Văn	THCS	78.6	78.6	120	277.2	
76	Đỗ Thị Diệu	Hằng	03/01/1995	Nữ	Đại học	Anh Văn	THCS	76.1	76.1	92	244.2	
77	Đào Mai	Linh	03/02/1996	Nữ	Đại học	Anh Văn	THCS	77.5	77.5	71	226	
78	Ngô Thị Ly	Ly	07/12/1988	Nữ	Cao đẳng	Anh Văn	THCS	71.9	75	76	222.9	
79	Nguyễn Thị Minh	Thảo	15/01/1982	Nữ	Đại học	Anh Văn	THCS	61.1	61.1	53	175.2	
80	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	23/09/1992	Nữ	Cao đẳng	Anh Văn	THCS	69.7	69.7	69	208.4	
81	Nguyễn Ngọc Huyền	Trần	08/07/1992	Nữ	Đại học	Anh Văn	THCS	68.6	68.6	71	208.2	
82	Phạm Thị Mỹ	Tuyền	15/10/1995	Nữ	Đại học	Anh Văn	THCS	81	81	112	274	
83	Hoàng Dương Hải	Yến	08/07/1988	Nữ	Đại học	Anh Văn	THCS	63.6	65	68	196.6	
84	Hồ Tiến	Đức	12/07/1994	Nam	Đại học	Địa lý	THCS	73.9	73.9	163	310.8	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Môn dự tuyển	Bậc học	ĐIỂM		Điểm sát hạch	Tổng điểm tuyển	GHI CHÚ
								TBCM	TN			
85	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	29/09/1991	Nữ	Đại học	Địa lý	THCS	80.2	80.2	114	274.4	
86	Lê Thị Thanh	Tuyền	12/08/1988	Nữ	Đại học	Địa lý	THCS	71.7	65	0		Vắng
87	Trần Thị Duyên	Duyên	24/04/1988	Nữ	Đại học	Lịch Sử	THCS	79.9	100	115	294.9	
88	Vũ Thị Hằng	Hằng	04/06/1993	Nữ	Đại học	Lịch Sử	THCS	75.1	75.1	78	228.2	
89	Nguyễn Thị Hiền	Hiền	10/02/1997	Nữ	Cao đẳng	Lịch Sử	THCS	71.9	71.9	51	194.8	
90	Trần Thị Kiêm	Hoa	02/06/1994	Nữ	Đại học	Lịch Sử	THCS	72.7	72.7	66	211.4	
91	Nguyễn Ngọc Thảo	Thảo	08/09/1995	Nữ	Đại học	Lịch Sử	THCS	74.9	74.9	55	204.8	
92	Phan Thị Thu Hồng	Hồng	28/05/1969	Nữ	Đại học	Mỹ thuật	THCS	79.5	70	129	278.5	
93	Lê Duy Ban	Ban	06/01/1986	Nam	Đại học	Ngữ văn	THCS	76	76	96	248	
94	Trần Thị Hiền	Hiền	14/03/1993	Nữ	Đại học	Ngữ văn	THCS	71.6	71.6	70	213.2	
95	Trần Thị Họa My	My	01/02/1992	Nữ	Đại học	Ngữ văn	THCS	79.5	79.5	67	226	
96	Bùi Thị Thiên Nga	Nga	20/10/1992	Nữ	Đại học	Ngữ văn	THCS	74.4	74.4	65	213.8	
97	Nguyễn Thị Huyền Thương	Thương	10/10/1979	Nữ	Đại học	Ngữ văn	THCS	72.1	72.1	112	256.2	
98	Đỗ Thị Thủy	Thủy	05/08/1994	Nữ	Đại học	Ngữ văn	THCS	74.6	74.6	0		Vắng
99	Nguyễn Thị Hồng Tươi	Tươi	05/03/1987	Nữ	Đại học	Ngữ văn	THCS	76.3	85	85	246.3	
100	Nguyễn Thị Bảo Yến	Yến	23/01/1996	Nữ	Đại học	Ngữ văn	THCS	73.9	73.9	0		Vắng
101	Trần Thị Huệ	Huệ	07/07/1996	Nữ	Cao đẳng	Sinh học	THCS	79.7	80	156	315.7	
102	Đinh Thị Ngọc Khải	Khải	18/12/1996	Nữ	Đại học	Sinh học	THCS	73.1	73.1	115	261.2	
103	Nguyễn Thị Liên	Liên	28/01/1995	Nữ	Đại học	Sinh học	THCS	79.1	79.1	146	304.2	
104	Phạm Thị Thùy Linh	Linh	28/08/1997	Nữ	Cao đẳng	Sinh học	THCS	75.9	75.9	117	268.8	
105	Trần Ngọc Lý	Lý	10/02/1990	Nữ	Đại học	Sinh học	THCS	73.5	73.5	147	294	
106	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Như	28/11/2018	Nữ	Cao đẳng	Sinh học	THCS	80.8	75	123	278.8	
107	Đoàn Thị Thanh Yến	Yến	05/10/1990	Nữ	Thạc sĩ	Sinh học	THCS	79	85	125	289	
108	Kiều Việt Hưng	Hưng	19/06/1987	Nam	Thạc sĩ	Thể dục	THCS	75	87	129	291	
109	Nguyễn Công Mãi	Mãi	20/07/1993	Nam	Đại học	Thể dục	THCS	78.8	78.8	114	271.6	
110	Nguyễn Thanh Thanh	Thanh	07/02/1995	Nữ	Đại học	Thể dục	THCS	67.2	67.2	138	272.4	
111	Lê Văn Tuấn	Tuấn	31/10/1993	Nam	Đại học	Thể dục	THCS	73.6	73.6	0		Vắng
112	Nguyễn Sỹ Tuấn	Tuấn	16/09/1993	Nam	Đại học	Thể dục	THCS	75.6	75.6	0		Vắng
113	Hoàng Thị Quỳn	Quỳn	07/02/1991	Nữ	Đại học	Toán	BDGD	72.3	78	115	265.3	
114	Nguyễn Trọng Tùng	Tùng	14/08/1996	Nam	Đại học	TPT-Toán	THCS	67	67	125	259	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Môn dự tuyển	Bậc học	ĐIỂM		Điểm sát hạch	Tổng điểm tuyển	GHI CHÚ
								TBCM	TN			
115	Đặng Nam	Long	24/10/1986	Nam	Thạc sĩ	Thiết bị-Hóa	THCS	74.1	86.5	102	262.6	
116	Hồ Thị Quỳnh	Ly	14/09/1994	Nữ	Đại học	TPT-Hóa	THCS	80.3	80.3	149	309.6	
117	Thập Nữ Hương	Ly	10/05/1991	Nữ	Thạc sĩ	Vật lý	THCS	75.3	85	74	234.3	
118	Nguyễn Đăng	Minh	24/10/1994	Nam	Cao đẳng	TPT-Vật lý	THCS	65.6	65.6	0		Vắng
119	Nguyễn Thị	Mỹ	16/09/1993	Nữ	Đại học	Vật lý	THCS	73.6	73.6	97	244.2	
120	Trần Phương	Nga	01/01/1995	Nữ	Đại học	Vật lý	THCS	81.7	81.7	97	260.4	
121	Triệu	Phú	21/10/1978	Nam	Đại học	Vật lý	THCS	56	50	0		Vắng
122	Phan Trọng	Thanh	01/03/1979	Nam	Thạc sĩ	Vật lý	THCS	70.8	88	45	203.8	
123	Trần Lê Kiều	Trang	02/02/1994	Nữ	Thạc sĩ	Vật lý	THCS	69	69	86	224	
124	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	24/01/1992	Nữ	Đại học	Vật lý	THCS	76.7	76.7	0		Vắng
125	Lê Thị Thu	Thảo	30/05/1977	Nữ	Trung cấp	Thư viện	THCS	82.6	88.3	100	270.9	
126	Vũ Thị Thúy	An	05/12/1991	Nữ	Trung cấp	Văn thư	THCS	78.9	70	126	274.9	
127	Trần Thị Mỹ	Hòa	03/01/1981	Nữ	Trung cấp	Văn thư	THCS	78	82	126	286	

Phú Nhuận, ngày 16 tháng 8 năm 2018

TRƯỜNG PHÒNG



Võ Cao Long

Người lập biểu

(Signature)

Ninh Thị Thúy